BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 375 /GCN-BKHCN	*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận:

1. Trung tâm Ứng dụng tiêu chuẩn chất lượng

Địa chỉ liên lạc: Phòng 301, tầng 3, tòa nhà Linh Trang, số 1/12 đường Trần Quốc Hoàn, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 37918630 Fax: 024. 37918631

Email: Quasta.ce@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực ***Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa*** *(chi tiết theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).*

2. Số đăng ký: **64/CN-TĐC**.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần ba (03) và có hiệu lực đến ngày 12/6/2028./.

Nơi nhận:
- Trung tâm Ứng dụng tiêu chuẩn chất lượng;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Lưu: VT, TĐC (5).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Nguyễn Nam Hải

Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 375/GCN-BKHCN ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn
1.	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không	TCVN 8090:2009
2.	Đèn LED (mô đun) chiếu sáng thông dụng	TCVN 10885-2-1:2015
3.	Mô đun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng	TCVN 10485:2015
4.	Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp	TCVN 7994-1:2009; TCVN 13724-1:2023; TCVN 13724-2:2023; TCVN 13724-5:2023; TCVN 13724-7:2023
5.	Tủ điện đóng cắt và điều khiển trung thế	IEC 62271-200:2021
6.	Bộ ngắt kết nối dòng điện xoay chiều và công tắc nối đất	IEC 62271-102:2018
7.	Thiết bị đóng cắt dòng điện xoay chiều	IEC 62271-104:2020; IEC 62271-205:2008; TCVN 6615-1:2009
8.	Tổ hợp cầu chì-công tắc dòng điện xoay chiều	IEC 62271-105:2021
9.	Thiết bị cắt mạch ngắt dòng điện xoay chiều	IEC 62271-108:2020
10.	Công tắc bỏ qua tụ điện nối tiếp dòng điện xoay chiều	IEC 62271-109:2019
11.	Thiết bị đóng mạch tự động cho hệ thống dòng điện xoay chiều	IEC 62271-111:2019
12.	Sợi dây đồng tròn kỹ thuật điện	TCVN 5933:1995
13.	Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện cho điện áp từ 1kV đến 30kV	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009); TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005)
14.	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp	TCVN 6592-1:2009 (IEC 60947-1:2007); TCVN 6592-2:2009 (IEC 60947-2:2009)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn
15.	Phụ kiện cho đường dây trên không; Đầu nối đục lỗ cách điện	IEC 61284:1997; AS/NZS 4396:1999
16.	Đồ chơi trẻ em	TCVN 6238-1:2017; TCVN 6238-2:2017; TCVN 6238-4a:2017; TCVN 6238-3:2011
17.	Áp tô mát bảo vệ quá dòng dùng trong gia định và các hệ thống lắp đặt tương tự cho điện xoay chiều	TCVN 6434-1:2018
18.	Áp tô mát tác động bằng dòng dư có bảo vệ quá dòng dùng trong gia định và các mục đích tương tự	TCVN 6951-1:2007
19.	Máy mài, máy đánh bóng	TCVN 7996-2-3:2014
20.	Phụ kiện đường ống thép không rỉ	ASTM A403/A403M; ASME B16.9; ANSI/ASME B16.5 Class 150
21.	Sản phẩm thép, ống thép	ASTM A312/A312M-24; ASTM A213/A213M-19; ASTM A789/A789M-20
22.	Vòng đệm lò xo	TCVN 130-77
23.	Thép tấm cuộn mạ nhôm kẽm magiê	ASTM A1046/A1046M
24.	Cáp sợi quang	TCVN 8696:2011
25.	Cáp sợi đồng thông tin	TCVN 8698:2011
26.	Cáp thông tin kim loại	TCVN 8238:2009; ANSI/TIA-568-C.2-2009
27.	Phiến đấu dây CAT5/CAT5E	TCVN 10297:2014
28.	Thanh thép làm cốt bê tông	JIS G3112:2020; ASTM A615/A615M-20; ASTM A416/A416M-18; JIS G 3137:2020; BS 4449:2005+A3:2016; TCVN 13711-1:2023
29.	Bulông	ASTM F3125-22; BS EN 14399:2018; BS EN 15048-1:2016
30.	Đai ốc	ASTM A563/A563M-24
31.	Vòng đệm	ASTM F436/F436M-19

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn
32.	Que hàn điện	TCVN 3223:2000; TCVN 2362:1993; TCVN 3734:1989
33.	Thép dụng cụ hợp kim	JIS G4404:2015; JIS G4103-1979
34.	Túi chất dẻo	TCVN 5653:1992
35.	Máy biến áp điện lực	TCVN 6306-1:2015; TCVN 6306-2:2006; TCVN 6306-3:2006; TCVN 6306-5:2006; TCVN 6306-11:2009; TCVN 8525:2015
36.	Đèn điện	TCVN 7722-2-1:2013; TCVN 7722-2-2:2007; TCVN 7722-2-4:2013; TCVN 7722-2-5:2007; TCVN 7722-2-6:2009; TCVN 7722-2-7:2013; TCVN 7722-2-8:2013; TCVN 7722-2-12:2013; TCVN 7722-2-13:2013; TCVN 7722-2-20:2013; TCVN 7722-2-22:2013; TCVN 7722-2:24:2013
37.	Đèn điện chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2019
38.	Dây cáp điện có đặc tính chống cháy, chậm cháy	TCVN 6613-1-2:2010 (IEC 60332-1-2:2004); TCVN 6613-3-24:2010 (IEC 60332-3-24:2009); AS/NZS 5000.1:2005; TCVN 6610-3:2000; TCVN 6610-4:2000; TCVN 6610-5:2014; BS EN 50525-2-31:2011; BS 6387:2013; IEC 60331-21:1999
39.	Cáp điện dùng cho hệ thống quang điện	BS EN 50618:2014
40.	Cáp điện, cáp viễn thông	TCVN 8697:2011; TCVN 10892:2015 (IEC 60986:2008); BS 7889:2012; BS 7912:2012+A1:2017; BS 7917:1999; BS 7919:2001; BS 8436:2011; BS 8573:2012; BS EN 50264-1:2008; BS EN 50264-2-1:2008; BS EN 50264-2-2:2008; BS EN 50264-3-1:2008; EN 50264-3-2:2008; EN 50288-1:2013; EN 50288-2-1:2013; EN 50288-2-2:2013; EN 50288-7:2013

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn
41.	Cáp điều khiển, cáp điện điều khiển	TCVN 6610-7:2014 (IEC 60227-7:2012); BS EN 50525-2-31:2011; TCVN 10891:2015 (IEC 60724:2008); BS 7629-1:2015+A1:2019; BS 5467:2016; BS 6004:2020: BS 6231:2006; BS 6346:1997; BS 7846:2015; BS 6883:1999
42.	Băng dính cách điện; sứ xuyên điện áp từ 10 đến 30kV	TCVN 5630:1991; TCVN 5169:1993

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Trung tâm Ứng dụng tiêu chuẩn chất lượng phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động chứng nhận.
- IEC: International Electrotechnical Commission/ Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế;
- ASTM: American Society for Testing and Materials/ Hiệp hội Thử nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ;
- ASME: American Society of Mechanical Engineers/ Hiệp hội Kỹ sư Cơ khí Hoa Kỳ;
- ANSI: American National Standards Institute/ Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ;
- JIS: Japanese Industrial Standards/ Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản;
- BS EN: British Standard European Norm/ Tiêu chuẩn Anh.